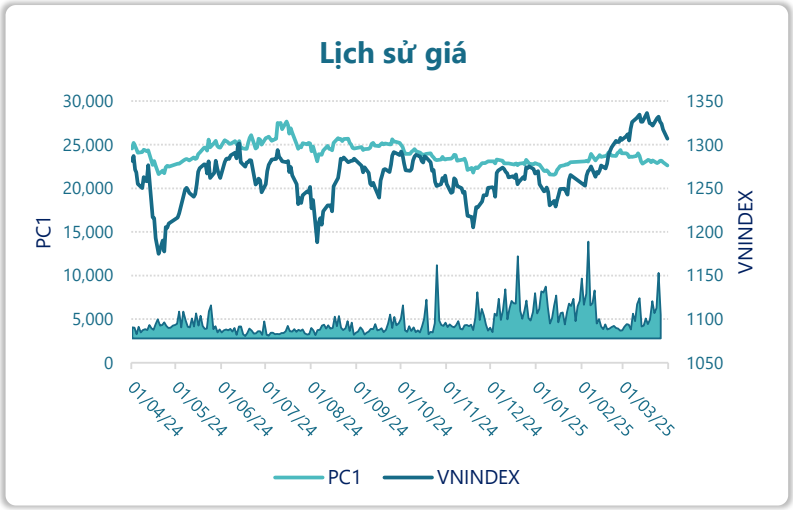
FireAnt

CTCP Tập đoàn PC1 (HSX: PC1)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,652
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,550
SL cổ phiếu LH	357,642,121
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,875,959
% sở hữu nước ngoài	16.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,083
P/E	18.6
EPS	1,216

DT thuần

Q1/25

1,860

tỷ VNĐ

QoQ: ▼680| -26.8%

YoY: ▼305| -14.1%

LN sau thuế

Q1/25

145

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0| 15.2%

YoY: ▲ 16.0| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

10,089

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,314| 29.8%

LN sau thuế

2024

710

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 407| 134%

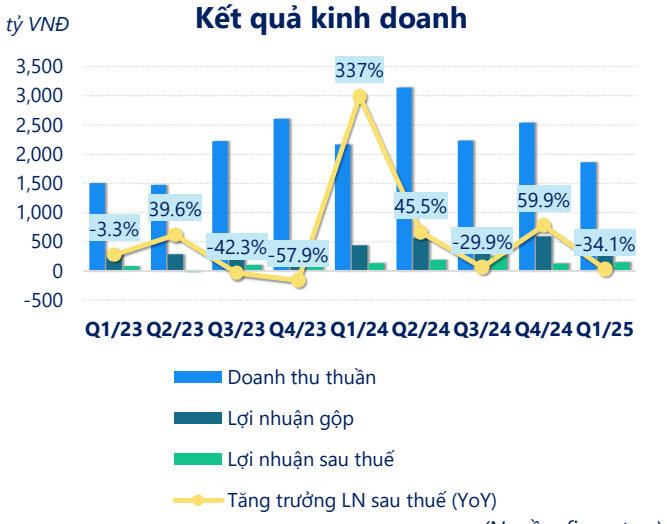
ROE

2024

6.2%

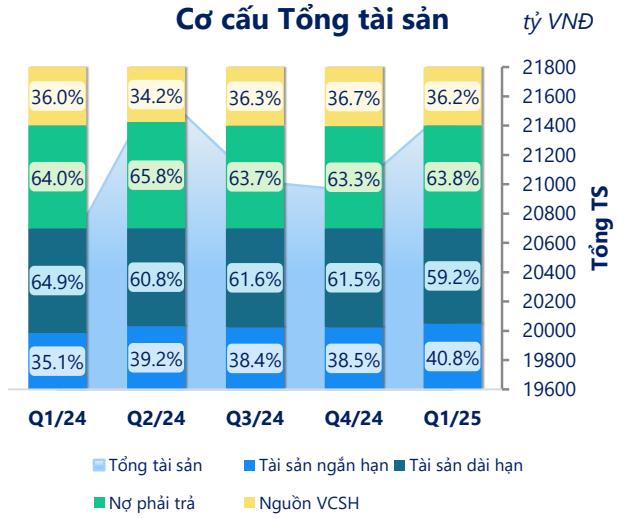
+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh



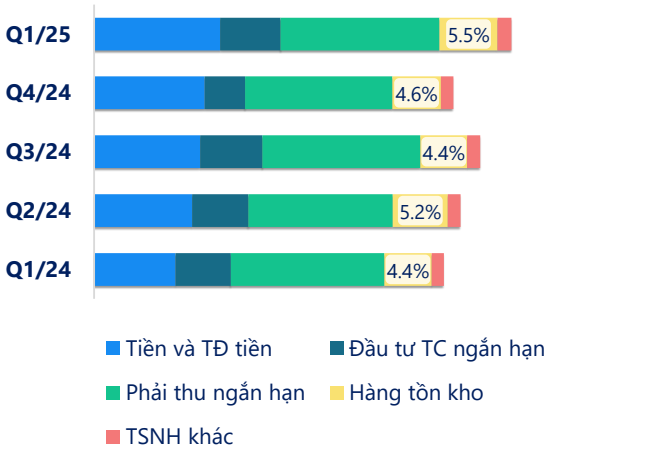
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



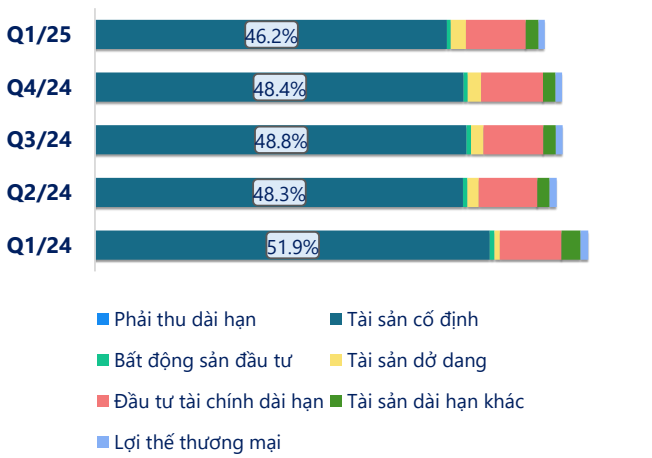
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



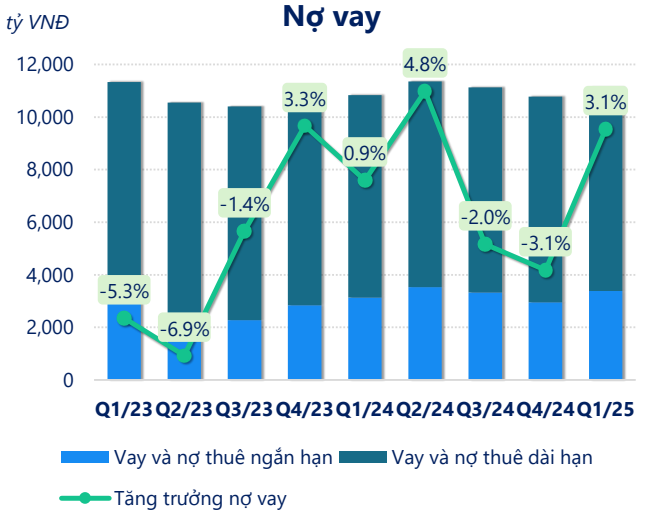
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



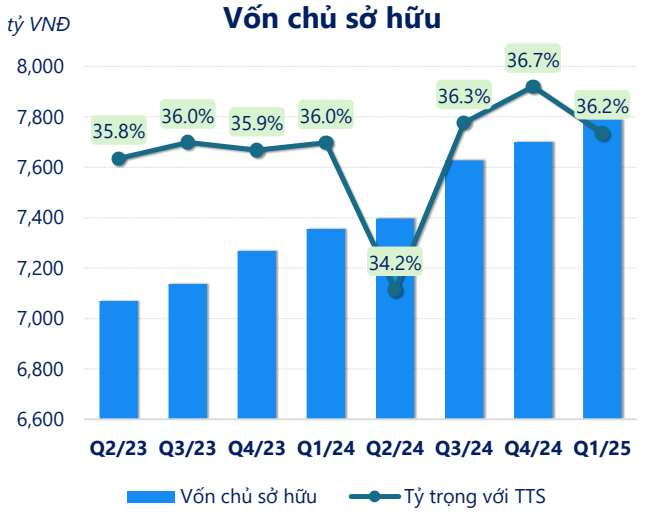
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



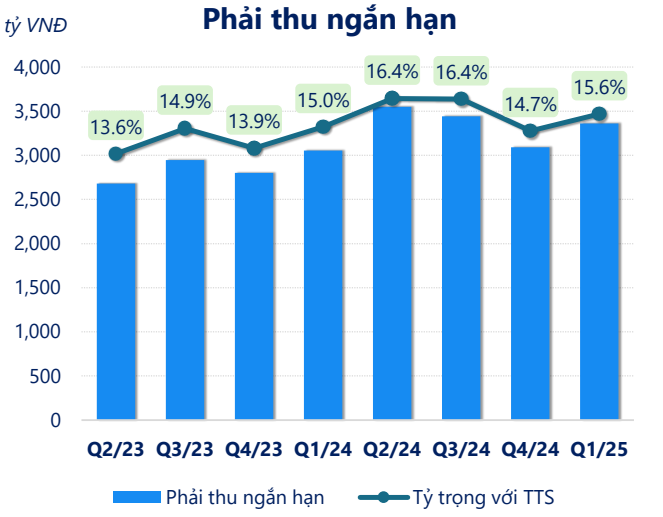
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



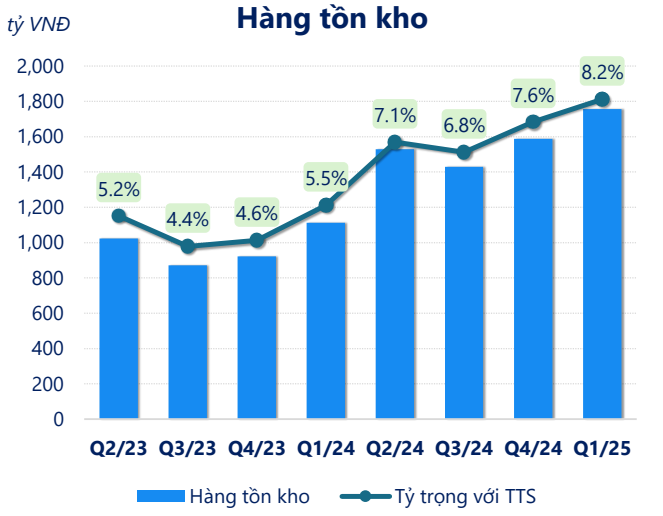
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



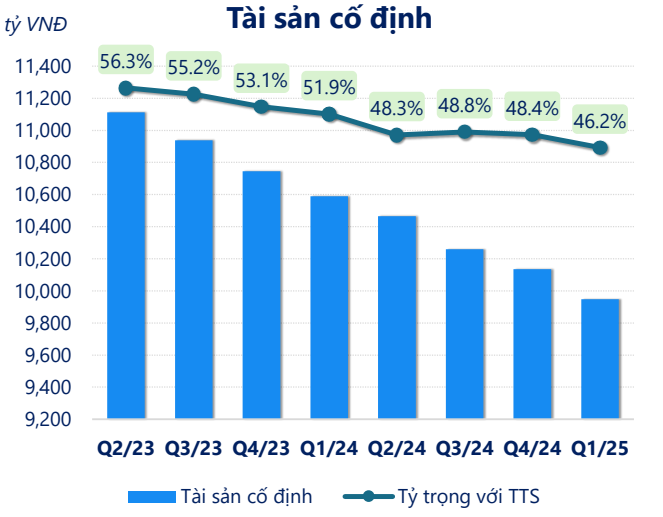
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



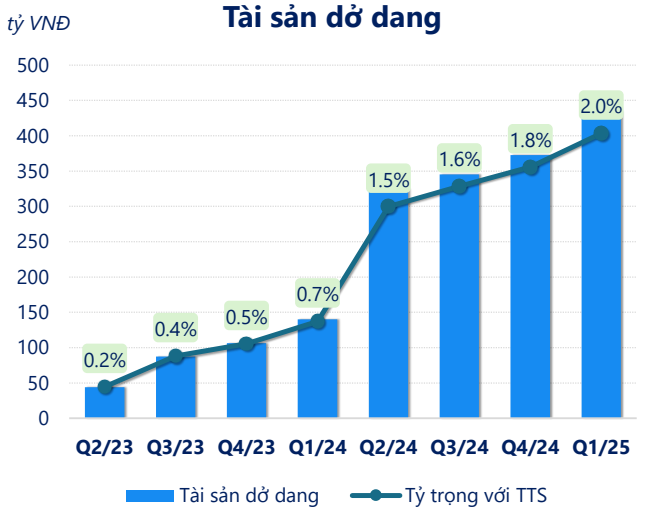
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



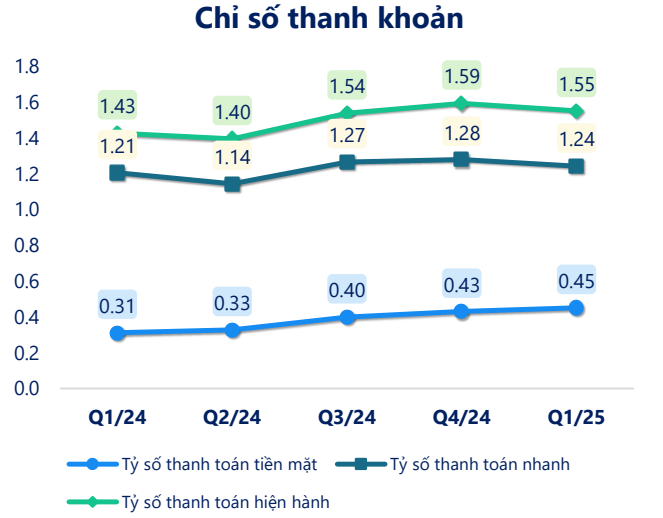
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



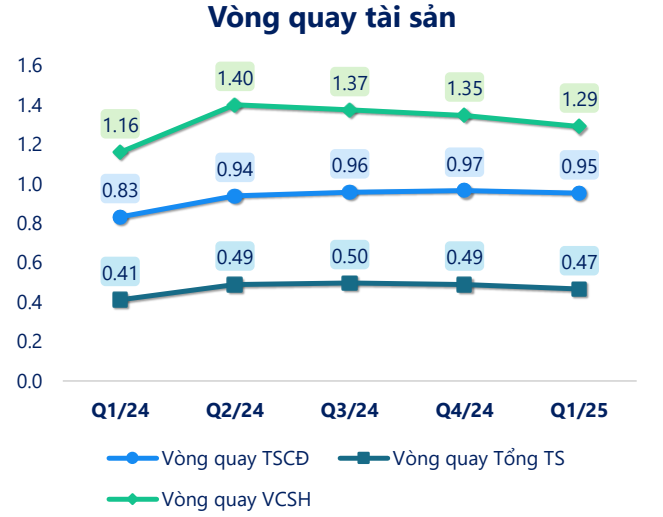
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**20,415**	**21,658**	**21,021**	**20,955**	**21,544**
Tài sản ngắn hạn	**7,157**	**8,496**	**8,082**	**8,066**	**8,787**
Tiền và tương đương tiền	1,563	1,999	2,095	2,177	2,554
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,160	1,332	1,035	1,119	1,020
Phải thu ngắn hạn	3,052	3,551	3,440	3,090	3,362
Hàng tồn kho	1,113	1,529	1,430	1,588	1,756
Tài sản ngắn hạn khác	268	85.7	82.2	90.4	95.5
Tài sản dài hạn	**13,258**	**13,162**	**12,940**	**12,889**	**12,757**
Phải thu dài hạn	20.9	27.5	27.5	32.8	34.1
Tài sản cố định	10,589	10,464	10,259	10,135	9,948
Bất động sản đầu tư	131	127	122	112	108
Tài sản dở dang	140	325	345	373	434
Đầu tư tài chính dài hạn	1,656	1,669	1,656	1,709	1,694
Tài sản dài hạn khác	514	351	340	347	367
Lợi thế thương mại	208	199	190	181	172
Nợ phải trả	**13,060**	**14,261**	**13,395**	**13,255**	**13,756**
Nợ ngắn hạn	**5,014**	**6,089**	**5,255**	**5,062**	**5,662**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,132	3,531	3,332	2,950	3,388
Phải trả người bán ngắn hạn	876	1,144	941	1,110	888
Nợ dài hạn	8,046	8,172	8,140	8,193	8,094
Vay và nợ thuê dài hạn	7,701	7,823	7,796	7,831	7,731
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,355**	**7,397**	**7,627**	**7,700**	**7,788**
Vốn chủ sở hữu	**7,355**	**7,397**	**7,627**	**7,700**	**7,788**
Vốn điều lệ	3,110	3,110	3,110	3,576	3,576
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)